

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HS-ST
Ngày 30/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ - sinh ngày 13/4/1993; tại: Ninh Hòa, Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 và bà: Trương Thị N, sinh năm 1964, Chì em ruột: Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn P.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 30/11/2020, bị Trưởng Công an xã Ninh Quang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Chưa chấp hành.

- Ngày 03/02/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 02 năm.

Bị cáo đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Võ Đình Tr, sinh năm: 1988; vắng mặt

Địa chỉ: Số 29 TL 3, ĐL, DL, Lâm Đồng.

2. Em Nguyễn Thành D, sinh năm: 2006. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị R. vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Em Trần Anh K, sinh năm: 2003. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Tuyết H. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 2000. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Phùng M, sinh năm: 1983. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm: 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Nguyễn T, sinh năm: 1996. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà Đỗ Thị Thu N, sinh năm: 1973. Có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1963, vắng mặt

Bà Trương Thị N, sinh năm: 1964. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

8. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 16, xã HĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm: 1989. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Lê Trọng T, sinh năm: 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ có ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, nên khoảng 10 giờ ngày 09/01/2021 Đ đến quán Internet của ông Nguyễn Khắc N ở tổ dân phố 4, phường N, thị xã N rồi tới nơi để xe dùng tay lắc cổ xe mô tô biển số 49G1-498.27 của ông Võ Đình Tr là khách đang đang chơi trong quán, thấy xe không khóa cổ nên Đ lấy mũ bảo hiểm trên xe đội lên đầu rồi dắt xe ra đường mang đi cất giấu, sau đó bị phát hiện thì Đ mang xe giao nộp cho cơ quan công an;

Cũng với động cơ mục đích như trên, khoảng 20 giờ ngày 12/01/2021 Đ đến quán Internet của bà Đỗ Thị Thu N ở thôn P, xã N, thị xã N quan sát thấy xe mô tô biển số 79H1-609.29 của Nguyễn Thành D để trong bãi xe không có người trông coi, Đ lén lút dắt xe đến khu vực gần Đình Quang Vinh, xã Ninh Quang cất giấu rồi phá khóa, sau đó đi mua ổ khóa mới về thay. Ngày hôm sau Đ quay lại lấy xe đã trộm được đem đến xã Ninh Bình gặp bạn là Nguyễn Văn S, nói dối là xe của mẹ Đ rồi nhờ S mang xe đi cầm cố lấy tiền, S đồng ý và mang đến nhà ông Phùng M tại tổ dân phố 12, phường N cầm cố lấy 4.000.000 đồng, Đ cho S 100.000 đồng, trả cho ông M 500.000 đồng để chuộc lại xe của Đ đã cầm cố trước đó, còn lại tiêu xài cá nhân. Đến ngày 14/01/2021 bà N nhờ Nguyễn T đi tìm giúp xe mô tô biển số 79H1-

609.29 và đưa T 5000.000 đồng, T nhờ S và đưa S 4.600.000 đồng để S tìm giúp. Sau đó S đến gặp ông M đưa 4.000.000 đồng và chuộc lại xe giao cho bà N.

Khoảng 14 giờ ngày 21/02/2021, Đ tiếp tục đến quán Internet của ông Lê Trọng T tại tổ dân phố 4, phường N để trộm cắp. Khi vào trong quán, Đ thấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 của Trần Anh K (sinh năm 2003) đang cắm sạc pin, lợi dụng lúc K không chú ý, Đ đến lấy rồi mang đến tiệm điện thoại của ông Huỳnh Tấn T ở tổ dân phố 8, phường N cầm thế lấy 800.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại kết luận định giá tài sản số 04 ngày 12/01/2021, số 46 ngày 07/4/2021, số 16 ngày 29/01/2021 và số 45 ngày 07/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Ninh Hòa kết luận: Xe mô tô biển số 49G1-498.27 có giá trị 20.187.200 đồng, mũ bảo hiểm có giá trị 37.800 đồng; Xe mô tô biển số 79H1-609.29 có giá trị 12.025.000 đồng; Điện thoại di động hiệu Samsung A10 có giá trị 3.142.400 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô biển số 49G1-498.27; 01 xe mô tô biển số 79H1-609.29; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10. Đã được cơ quan điều tra xử lý trả lại cho chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 71 Ngày 08/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đ. Đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị khung hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đỗ Thị Thu N yêu cầu nhận lại 5000.000 đồng đã đưa cho Nguyễn T nhờ chuộc xe mô tô biển số 79H1-609.29, ông Phùng M yêu cầu bồi thường số tiền 4000.000 đồng đã đưa cho Nguyễn Văn S khi nhận thế chấp xe mô tô biển số 79H1-609.29. Xét thấy yêu cầu của bà N và ông M là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà N, ông M. Buộc Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn S liên đới bồi thường lại 4000,000 đồng cho ông M; Số tiền 5000.000 đồng do ông M, T và S giao nộp cho cơ quan điều tra (hiện đã nộp vào kho bạc nhà nước) là số tiền của bà N đưa cho T để chuộc xe mô tô biển số 79H1-609.29 do đó đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho chủ sở hữu.

Về án phí: bị cáo Đ phải chịu 200.000đ án phí HS-ST và án phí DS-ST theo qui định.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, các bị hại đều vắng mặt lần thứ hai không lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa hôm nay là bà Đỗ thị Thu N, ông Nguyễn Văn S và ông Phùng M. Còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thấy Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ là thanh niên có sức khỏe, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo vẫn thực hiện, hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất ổn định tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với hậu quả để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu và từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2021 đã 03 lần trộm cắp tài sản của người khác có tổng giá trị 35.392.400 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Đảng và nhà nước ta, an tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với Nguyễn Văn S biết rõ xe mô tô biển số 79H1-609.29 là tài sản do bị cáo Đ trộm cắp mà có nhưng không khai báo. Tuy nhiên, hành vi của Nguyễn Văn S chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo qui định tại điều 389 Bộ luật hình sự 2015 nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Huỳnh Tấn T có hành vi nhận cầm điện thoại Samsung A10 màu xanh do Nguyễn Văn Đ mang đến nhưng ông T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm.

Đối với ông Phùng M có hành vi nhận cầm cố xe máy Honda hiệu Blade màu đỏ đen, biển số 79 H1- 609.29 nhưng ông M không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô biển số 49G1-498.27; 01 xe mô tô biển số 79H1-609.29; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10. Đã được cơ quan điều tra xử lý trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

Đối với 03 đĩa cứng trích xuất từ 03 Camera an ninh tại 03 quán nét gồm: quán nét Milano, quán nét N, quán nét Phúc T là vật chứng vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại gồm ông Võ Đình Tr, em Nguyễn Thành D, sinh năm: 2006. Người đại diện hợp pháp của D là bà Nguyễn Thị R và em Trần Anh K, sinh năm: 2003, người đại diện hợp pháp của K là bà Trần Thị Tuyết H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xét.

Đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu N là được nhận lại 5000.000 đồng đã đưa cho Nguyễn T nhờ chuộc xe mô tô biển số 79H1-609.29, ông Phùng M yêu cầu bồi thường số tiền 4.000.000 đồng đã đưa cho Nguyễn Văn S khi nhận thế chấp xe mô tô biển số 79H1-609.29.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo Đ tự nguyện bồi thường cho ông M toàn bộ số tiền 4.000.000đ nên ghi nhận sự tự nguyện trên của bị cáo.

Đối với yêu cầu của bà N xin nhận lại 5.000.000đ; tương ứng với số tiền 5000.000 đồng do ông M, T và S giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa và hiện đã được cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa nộp ngày 19/5/2021 vào Kho bạc nhà nước theo số tài khoản 394909058285 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã Ninh Hòa nên cần trả số tiền trên lại cho bà N là phù hợp.

- Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và 450.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

2. Vật chứng của vụ án:

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô biển số 49G1-498.27; 01 xe mô tô biển số 79H1-609.29; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10. Đã được cơ quan điều tra xử lý trả lại cho chủ sở hữu nên không xét.

Đối với 03 đĩa cứng trích xuất từ 03 Camera an ninh tại 03 quán nét gồm: quán nét Milano, quán nét N, quán nét Phúc T là vật chứng vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại gồm ông Võ Đình Tr, em Nguyễn Thành D, sinh năm 2006. Người đại diện hợp pháp của D là bà Nguyễn Thị R và em Trần Anh K, sinh năm 2003, người đại diện hợp pháp của K là bà Trần Thị Tuyết H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xét.

Ghi nhận bị cáo Đ tự nguyện bồi thường cho ông Phùng M số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Trả cho bà Đỗ Thị Thu N số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng); là số tiền do ông M, T và S đã giao nộp cho cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa và hiện đã được cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa nộp ngày 19/5/2021 vào Kho bạc nhà nước theo số tài khoản 394909058285 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thị xã Ninh Hòa.

- Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt và trong quá trình điều tra, truy tố và khi mở phiên tòa không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và 450.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ niêm yết tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

NGUYỄN THỊ NHẤT ANH